

ASAHI UNIVERSITY 2026

2026年度 学生募集要項

留学生別科 日本語研修課程

TÀI LIỆU TUYỂN SINH NĂM 2026

KHÓA BỒI DƯỠNG TIẾNG NHẬT - KHOA RIÊNG DU HỌC SINH

Tinh thần xây dựng trường học

Tinh thần thành lập trường của Đại học Asahi nằm ở việc bồi dưỡng thành tài những con người giàu có về năng lực trí tuệ mang tính con người phổ quát của nhân loại và tính xã hội, tính sáng tạo để mở ra một xã hội tương lai quốc tế.

Về tính xã hội

Triết lý nhân loại cùng chung sống với nhau đang đối mặt trực diện với những vấn đề cần phải giải quyết ví dụ như vấn đề kinh tế xã hội tại các nước đang phát triển, vấn đề kinh tế quốc tế tại các nước tiên tiến, vấn đề lao động song hành với xã hội lão hóa mà trước hết là vấn đề tài nguyên - môi trường của trái đất ngay lúc này. Chúng tôi bồi dưỡng thành tài những con người giàu có về tâm hồn coi trọng sự hài hòa, những con người giàu có về tính xã hội và tính quốc tế để nỗ lực ứng phó với những bài toán này và thúc đẩy sự phồn vinh và hạnh phúc của nhân loại.

Về tính sáng tạo

Nhân loại đã thu về được sự giàu có mang tính vật chất nhờ sự phát triển ấn tượng của khoa học - kỹ thuật và sự phát triển này của khoa học - kỹ thuật lại bắt buộc phải đóng góp cho sự hàm dưỡng tính nhân văn phong phú.

Để tìm cách làm hài hòa giữa sự tiến bộ của các ngành khoa học mang tính mũi nhọn và tính nhân văn phong phú, nhân loại cần phải phát huy sự thông thái mang tính sáng tạo.

Trường chúng tôi vì vậy mà thúc đẩy các hoạt động giáo dục và nghiên cứu mang tính chuyên môn và mang tính tổng hợp nhờ vào sự hợp tác liên ngành học thuật giữa các ngành khoa học tự nhiên, ngành khoa học xã hội và nhân văn, và các ngành nghệ thuật khác.

Về năng lực trí tuệ mang tính con người

Đi tới một xã hội công nghiệp hóa - thông tin hóa mức độ cao, cả mô thức sinh hoạt lẫn giá trị quan của con người đều đang thay đổi chóng mặt. Lúc này, chúng ta một mặt thì tìm hướng để khoa học - kỹ thuật phát triển lành mạnh, mặt khác thì lại thận trọng với sự phát triển một mình một đường của các ngành kỹ thuật. Do đó, trường luôn đặt mục tiêu đề cao tính nhân văn như là triết lý phổ quát của nhân loại, và tìm hướng thực hiện sự hàm dưỡng năng lực trí tuệ mang tính con người mới vì sự cần thiết phải xây dựng một xã hội tương lai quốc tế có sự hài hòa để xác lập bản thân và tôn trọng nhân quyền và sự tự do.

Mục đích của trường đại học

Đại học Asahi tôn trọng mục đích chính của Luật giáo dục cơ bản Nhật Bản cũng như Luật giáo dục trường học Nhật Bản và tuân theo các điều khoản của những bộ luật này, và lấy mục đích là việc nghiên cứu lý thuyết giáo dục chung và học thuật chuyên môn cũng như các ứng dụng của chúng, bồi dưỡng nhân lực có năng lực được trang bị giáo dục mang tính tri thức, đạo đức, đồng thời, tìm kiếm những kiến thức một cách rộng rãi trên thế giới, tìm hướng giao lưu quốc tế về giáo dục, nghiên cứu học thuật, đạt được mục đích giáo dục ở mức độ cao, đóng góp cho sự hoàn thiện về học thuật, văn hóa và sự phát triển của xã hội.

Về việc quản lý sử dụng thông tin cá nhân

Khái quát

Trường chúng tôi hiểu rõ tính quan trọng của thông tin cá nhân trong xã hội truyền thông thông tin cao độ, cùng với việc tuân thủ pháp luật liên quan đến việc bảo mật thông tin cá nhân, chúng tôi quản lý và sử dụng thông tin cá nhân một cách hợp pháp và đúng đắn.

Định nghĩa thông tin cá nhân

Thông tin cá nhân là chỉ “thông tin cá nhân” được nêu trong điều 2 Luật bảo vệ thông tin cá nhân.

Sử dụng thông tin cá nhân

Tại trường chúng tôi, thông tin cá nhân mà bạn cung cấp liên quan tới các thủ tục được ghi trong tài liệu hướng dẫn tuyển sinh của trường sẽ được chúng tôi sử dụng cho tổng thể nghiệp vụ kỳ thi đầu vào (nộp đơn - thực hiện - thông báo đậu hay không đậu - thủ tục nhập học), việc học tập chuẩn bị cho nhập học, việc trở thành sinh viên chính thức.

Công khai kết quả thi đầu vào

Về thông tin cá nhân của kết quả thi đầu vào, do sẽ ảnh hưởng tới việc hoạt động nghiệp vụ của trường đại học nên về nguyên tắc chúng tôi sẽ không đáp ứng yêu cầu công khai.

Nơi liên hệ

Những liên hệ về quản lý sử dụng thông tin cá nhân thì xin hãy liên hệ với bộ phận dưới đây.

Nơi liên hệ: Phòng thông tin kỳ thi đầu vào - Đại học Asahi

1851 Hozumi thành phố Mizuho huyện Gifu 501-0296

Điện thoại 058-329-1088 Fax 058-329-1089

Lịch trình từ khi đăng ký tới khi nhập học

1 Mục đích của Khóa bồi dưỡng tiếng Nhật Khoa riêng du học sinh

Khóa bồi dưỡng tiếng Nhật Khoa riêng du học sinh (khoa dự bị đại học cho du học sinh) mà trường mở vào năm 2001 có mục đích chính là để người nước ngoài mong muốn nhập học vào bậc học đại học và sau đại học của Đại học Asahi học được năng lực tiếng Nhật cần thiết cho việc tiếp nhận giáo dục đại học tại Nhật Bản.

Tại Khóa bồi dưỡng tiếng Nhật Khoa riêng du học sinh, bên cạnh môn học đương nhiên là môn “Tiếng Nhật” - là môn học bắt buộc, còn có các môn học lựa chọn ví dụ như môn “Thời sự Nhật Bản” hay môn “Giáo dục đại cương” v.v. cũng phong phú về nội dung và trường sẽ hướng dẫn để bạn có thể tiến hành việc sinh hoạt và giao tiếp tại Nhật Bản một cách trơn tru nhờ việc làm sâu sắc thêm sự hiểu biết về văn hóa - xã hội Nhật Bản.

Khoa có chế độ nhập học tiến cử dành cho đối tượng là học sinh của Khoa dành riêng cho du học sinh để học lên bậc đại học của Đại học Asahi và hướng tới mục tiêu thi đầu kỳ thi đầu vào được tổ chức vào mùa xuân và mùa thu.

2 Số lượng nhập học và quá trình từ khi đăng ký tới khi nhập học

Số lượng chiêu sinh 60 sinh viên ※ Tuy nhiên, trường sẽ ưu tiên tuyển sinh vào kỳ nhập học tháng 4.

Phân loại nhập học	Nhập học tháng 4	
Phương pháp xét tuyển	Người dự tuyển từ nước ngoài	Người nộp đơn xin nhập học trong nước
	• Xem xét hồ sơ của • Phỏng vấn trực tuyến	• Xem xét hồ sơ của • Phỏng vấn
Thời gian đăng ký nhập học	Từ ngày 1 tháng 9 năm 2025 (thứ 2) đến ngày 19 tháng 9 năm 2025 (thứ 6) (Phải tới muộn nhất là ngày hết hạn)	
Ngày thi	Sắp xếp và thực hiện cho từng người trong tháng 9 năm 2025	Ngày 24 tháng 9 năm 2025 (thứ 4)
Thông báo trúng tuyển	Ngày 7 tháng 11 năm 2025 (thứ 6)	
Ngày hết hạn làm thủ tục nhập học	Ngày 28 tháng 11 năm 2025 (thứ 6)	
Lễ khai giảng	Ngày 2 tháng 4 năm 2026 (thứ 5)	

Phân loại nhập học	Nhập học tháng 9	
Phương pháp xét tuyển	Người dự tuyển từ nước ngoài	Người nộp đơn xin nhập học trong nước
	• Xem xét hồ sơ của • Phỏng vấn trực tuyến	• Xem xét hồ sơ của • Phỏng vấn
Thời gian đăng ký nhập học	Từ ngày 23 tháng 3 năm 2026 (thứ 2) đến ngày 10 tháng 4 năm 2026 (thứ 6) (Phải tới muộn nhất là ngày hết hạn)	
Ngày thi	Sắp xếp và thực hiện cho từng người trong tháng 4 năm 2026	Ngày 15 tháng 4 năm 2026 (thứ 4)
Thông báo trúng tuyển	Ngày 29 tháng 5 năm 2026 (thứ 6)	
Ngày hết hạn làm thủ tục nhập học	Ngày 19 tháng 6 năm 2026 (thứ 6)	
Lễ khai giảng	Ngày 19 tháng 9 năm 2026 (thứ 7)	

Thủ tục nộp hồ sơ

1 Tư cách nộp hồ sơ

Người đáp ứng tất cả các điều kiện từ (1) đến (5) sau đây

- (1) Người không có quốc tịch Nhật Bản
- (2) Người đã đủ 18 tuổi tại thời điểm nhập học
- (3) Người đã hoàn thành chương trình giáo dục 12 năm tại trường học ở nước mình hoặc người có quá trình tương đương như thể được Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản chỉ định
- (4) Người có hoặc có thể lấy được một trong các tư cách cư trú “du học”, “tại trú theo gia đình”, “vĩnh trú”, và “định cư” theo Luật quản lý xuất nhập cảnh và công nhận người tị nạn
- (5) Người có thể chứng minh mình có năng lực tiếng Nhật dựa trên kết quả của một trong các kỳ thi dưới đây hoặc người có thể chứng minh mình có thời gian học tập tiếng Nhật 150 giờ trở lên

Tên kỳ thi	Kết quả đạt được	Đoàn thể tổ chức
1 Kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT)	N5 trở lên	Pháp nhân quỹ công ích Quỹ giao lưu quốc tế và Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế
2 Kỳ thi năng lực tiếng Nhật thương mại BJT	300 điểm trở lên	Pháp nhân quỹ công ích Hiệp hội kỳ thi lấy bằng năng lực Hán tự Nhật Bản
3 Kỳ thi lấy bằng tiếng Nhật thực dụng J-TEST	Bằng chứng nhận cấp F trở lên hoặc 250 điểm trở lên trong kỳ thi cấp độ FG	Hiệp hội khảo thí tiếng Nhật - Văn phòng J-TEST
4 NAT-TEST tiếng Nhật	Cấp 5 trở lên	Nhà xuất bản Senmon Kyoiku
5 Kỳ thi tiếng Nhật thương mại tiêu chuẩn STBJ	350 điểm trở lên	Pháp nhân đoàn thể chung Hiệp hội giáo dục tiếng Nhật ứng dụng
6 Kỳ thi năng lực vận dụng tiếng Nhật thực dụng TOPJ	Sơ cấp A trở lên	Ủy ban tổ chức thực hiện kỳ thi năng lực vận dụng tiếng Nhật thực dụng TOPJ
7 Kỳ thi lấy bằng năng lực làm việc - cuộc sống J-cert	Sơ cấp trở lên	Pháp nhân quỹ công ích Tổ chức phát triển nhân lực quốc tế
8 Kỳ thi lấy bằng năng lực tiếng Nhật cho người nước ngoài JLCT	“JCT5” trở lên	Pháp nhân đoàn thể chung Tổ chức kỳ thi lấy bằng năng lực tiếng Nhật cho người nước ngoài
9 Kỳ thi lấy bằng giao tiếp tiếng Nhật thực hành - Bridge (PJC Bridge)	“C-” trở lên	Công ty cổ phần Certify
10 Kỳ thi năng lực tiếng Nhật JPT	315 điểm trở lên hoặc kỳ thi Elementary 68 điểm trở lên	Pháp nhân đoàn thể chung Ủy ban Thực hiện Kỳ thi Năng lực Tiếng Nhật

2 Những điều cần lưu ý khi đăng ký nhập học

- (1) Người từng nộp đơn xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tư cách lưu trú và bị từ chối trước đây thì không thể nộp hồ sơ đăng ký.
- (2) Về hồ sơ đăng ký, nếu sau này trường phát hiện có điều không đúng sự thật thì trường sẽ hủy bỏ việc nhập học.
- (3) Hồ sơ đăng ký nộp lên sẽ không được trả lại vì bất kỳ lý do gì.
- (4) Ngoài hồ sơ nộp lên đã được chỉ định thì có thể trường sẽ yêu cầu nộp các giấy tờ cần thiết khác.
- (5) Trường hợp có thời gian theo học tại cơ sở đào tạo tiếng Nhật khác bên trong Nhật Bản quá 1 năm thì không thể đăng ký.

3 Hồ sơ xin nhập học

Với các giấy tờ được tạo ra bằng ngôn ngữ khác ngoài tiếng Nhật, xin hãy thêm bản dịch tiếng Nhật do cơ quan công hoặc cơ quan giáo dục (được đóng con dấu cơ quan công) chứng nhận (bản dịch của công ty dịch thuật tư nhân thì phải được công chứng).

A Các giấy tờ do người nộp đơn chuẩn bị

Giấy tờ		Những điều cần lưu ý
1	Đơn xin nhập học [mẫu do trường quy định]	Đề nghị người nộp đơn xin nhập học viết tay. Nếu viết bằng ngôn ngữ khác ngoài tiếng Nhật hoặc tiếng Anh, đề nghị đính kèm bản dịch ra tiếng Nhật. (Đề nghị dán ảnh.) <ul style="list-style-type: none"> • Người đang học tại trường dạy nghề, trường cao đẳng, trường đại học, trường cao học hoặc đang đi làm hãy nộp giấy chứng nhận đang học hoặc đang làm việc. • Người đã từng nhập cảnh vào Nhật hãy ghi cụ thể mục đích nhập cảnh vào tờ giấy khác. • Người đã quá 5 năm sau khi tốt nghiệp, hãy viết thêm lý do du học bằng tờ giấy khác.
2	Quá trình học tiếng Nhật [mẫu do trường quy định]	Hãy gửi kèm giấy chứng nhận học tiếng Nhật do cơ quan đào tạo tiếng Nhật cấp Xin hãy đính kèm bản sao giấy chứng nhận kết quả đạt được của mỗi kỳ thi được chỉ ra trong “Tur cách nộp hồ sơ (3)” ở trang 3.
3	Giấy chứng nhận tốt nghiệp của trường tốt nghiệp sau cùng (bản gốc) hoặc giấy chứng nhận chuẩn bị tốt nghiệp	Người nộp đơn xin nhập học ở Trung Quốc xin hãy đính kèm bản sao công chứng và bản dịch tiếng Nhật của nó. * Người chuẩn bị tốt nghiệp sau khi tốt nghiệp hãy nhanh chóng nộp bản sao bằng tốt nghiệp.
4	Giấy chứng nhận thành tích học tập của trường tốt nghiệp sau cùng	Giấy tờ để chứng minh thành tích học tập của tất cả các năm học và bản dịch tiếng Nhật của nó. (Người nộp đơn xin nhập học ở Trung Quốc xin hãy đính kèm bản sao công chứng và bản dịch tiếng Nhật của nó.) * Người chuẩn bị tốt nghiệp sau khi tốt nghiệp hãy nhanh chóng nộp bản sao của giấy chứng nhận kết quả học tập.
5	Ảnh của người nộp đơn xin nhập học [5 ảnh]	Ảnh chụp trong vòng ba tháng trước ngày bắt đầu tiếp nhận hồ sơ xin nhập học (kích thước dài 4cm x ngang 3cm). Ảnh chụp chính diện, không đội mũ, không phong nền. Xin hãy viết quốc tịch và họ tên ở mặt sau ảnh.
6	Tờ khai liên quan đến việc xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cư trú [mẫu do trường quy định]	Người nộp đơn xin nhập học xin hãy tự mình viết tay bằng tiếng Nhật hoặc tiếng Anh. Trường sẽ thực hiện việc xin chứng nhận thay dựa trên giấy tờ này nên xin hãy điền chính xác sao cho đúng thực tế v.v. Người có hộ chiếu thì xin hãy nộp trang có thể xác nhận họ tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, giới tính, ảnh chụp gương mặt, và người từng xuất nhập cảnh vào Nhật Bản thì xin hãy nộp bản sao của trang có dấu xuất nhập cảnh. Nếu bạn là người sinh sống ở ngoài Nhật Bản và không có hộ chiếu thì xin hãy nộp bản sao chứng minh thư do chính phủ hoặc cơ quan công tương đương phát hành.
7	Giấy chứng nhận sức khỏe [mẫu do trường quy định]	Xin hãy nộp giấy chứng nhận trong vòng 3 tháng trở lại.
8	Giấy chứng nhận không mắc bệnh lao [Cơ quan y tế kiểm tra sức khỏe được chỉ định]	Quốc gia áp dụng: Philippines, Việt Nam, Indonesia, Nepal, Myanmar, Trung Quốc
9	Giấy cam kết, Giấy bảo lãnh [mẫu do trường quy định]	Người nộp đơn xin nhập học và người bảo lãnh nhân thân xin hãy đảm bảo là tự mình viết đơn.

B Các giấy tờ do người chu cấp kinh phí chuẩn bị

(1) Nếu người thân như cha mẹ của người nộp đơn xin nhập học chuyển tiền thanh toán học phí, sinh hoạt phí từ ngoài lãnh thổ Nhật Bản

Giấy tờ		Những điều cần lưu ý
1	Giấy chu cấp kinh phí [mẫu do trường quy định]	Đề nghị người chu cấp (người gửi tiền) viết tay. Nếu viết bằng ngôn ngữ khác không phải là tiếng Nhật, đề nghị đính kèm bản dịch ra tiếng Nhật.
2	Giấy chứng nhận số dư tài khoản	Xin hãy nộp bản gốc của giấy chứng nhận số dư tài khoản có số dư có thể chi trả được học phí và sinh hoạt phí v.v. trong thời gian học tại trường do bản thân người chu cấp (người gửi tiền) đứng tên. Ngoài ra, xin hãy đính kèm cả giấy giải thích nói rõ quá trình hình thành nguồn vốn được ghi trong Giấy chứng nhận số dư tài khoản và bản sao của sổ ngân hàng hoặc là bản liệt kê chi tiết các khoản tiền vào và ra trong 3 năm gần nhất. Nếu bạn ở Trung Quốc thì xin hãy nộp cả bản gốc giấy chứng nhận tài khoản tiền gửi và bản sao biên nhận tiền gửi.
3	Giấy chứng nhận công tác hoặc giấy chứng nhận nghề nghiệp	Đề nghị cung cấp “Giấy chứng nhận công tác” ghi rõ địa điểm công ty, họ tên người đại diện. Xin hãy nộp bản sao của giấy tờ có ghi rõ người chu cấp (người gửi tiền) và tên công ty như giấy phép kinh doanh hoặc là “Chứng nhận đăng ký kinh doanh”
4	Giấy chứng nhận việc chi trả tiền lương	Xin hãy nộp giấy tờ chứng minh thu nhập cá nhân của bản thân người chu cấp (người gửi tiền) 3 năm gần nhất.
5	Giấy chứng nhận nộp thuế	Xin hãy nộp giấy tờ chứng minh việc nộp thuế của bản thân người chu cấp (người gửi tiền) 3 năm gần nhất.
6	Giấy tờ chứng nhận quan hệ cha (mẹ) con, quan hệ họ hàng	Xin hãy nộp bản sao công chứng để chứng nhận việc được sao từ bản gốc như “Giấy khai sinh”, “Sổ hộ khẩu” v.v. và bản dịch của bản công chứng đó.

(II) Nếu người cư trú trong lãnh thổ Nhật Bản chu cấp học phí, sinh hoạt phí

Giấy tờ		Những điều cần lưu ý
1	Giấy chu cấp kinh phí [mẫu do trường quy định]	Người chu cấp hãy tự mình viết tay vào rồi ký tên.
2	Giấy chứng nhận tổng thu nhập năm của người chu cấp kinh phí	Đề nghị cung cấp một trong những loại giấy tờ chứng nhận sau đây.
	① Giấy chứng nhận nộp thuế của tỉnh/thành phố/thị trấn/huyện	Ghi số tiền thu nhập và số người thân cần nuôi dưỡng.
	② Giấy chứng nhận nộp thuế do cục thuế cấp	(1) và (2)

(III) Nếu người nộp hồ sơ xin nhập học tự chi trả học phí, sinh hoạt phí

Giấy tờ		Những điều cần lưu ý
1	Giấy chứng nhận số dư tài khoản	Đề nghị người nộp đơn xin nhập học cung cấp giấy chứng nhận số dư tài khoản với danh nghĩa bản thân chứng minh có thể chi trả học phí, sinh hoạt phí trong thời gian học.
2	Giấy chứng nhận chi trả tiền lương hoặc giấy chứng nhận nộp thuế	Đề nghị cung cấp giấy tờ có thể chứng minh thu nhập cá nhân của người nộp đơn xin nhập học.
3	Giấy chứng nhận về việc nhận học bổng	Nếu nhận học bổng, đề nghị cung cấp giấy tờ chứng minh ghi rõ số tiền và thời gian.

C Giấy tờ khác

- ① Sau khi trúng tuyển, có thể bạn sẽ được yêu cầu nộp lên bản sao của hồ sơ đăng ký khi xin cấp thị thực tại Đại sứ quán Nhật Bản v.v. nên xin nhất định hãy sao toàn bộ hồ sơ trước khi nộp và lưu trữ bên mình. Xin nhất định hãy viết bằng mực xanh hoặc đen (không được viết bằng bút chì hay bút bi có thể xóa được).
- ② **Việc in ấn hồ sơ đăng ký thi xin hãy in một mặt chữ đứng in hai mặt.**
- ③ **Giấy tờ được viết bằng ngôn ngữ không phải tiếng Nhật thì tất cả xin hãy đính kèm bản dịch tiếng Nhật.**
- ④ Chúng tôi chỉ tiếp nhận những giấy tờ được phát hành trong vòng 3 tháng (giấy tờ được phát hành tại nước ngoài thì trong vòng 6 tháng).
- ⑤ Trường hợp tải xuống giấy chứng nhận tại trang web thì xin hãy lấy dấu xác nhận từ trường rồi nộp.
- ⑥ Thủ tục xin cấp “Giấy chứng nhận đủ điều kiện tư cách lưu trú” cần thiết để nhập cảnh vào Nhật Bản sẽ do trường thực hiện với Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Nagoya thay cho người trúng tuyển và khi đó trường sẽ nộp các giấy tờ cần thiết cho việc xin giấy chứng nhận này từ bộ hồ sơ đăng ký nên xin hãy bạn hãy hiểu và chấp nhận.
- ⑦ Việc cấp “Giấy chứng nhận đủ điều kiện tư cách lưu trú” là do Bộ tư pháp thực hiện và đối với trường hợp không được cấp thì trường sẽ không thể chịu trách nhiệm.

4 Phí tuyển sinh

20.000 Yên Nhật (đề nghị chuyển khoản sau khi đã chuẩn bị đầy đủ hồ sơ xin nhập học.)

(1) Nếu chuyển tiền tại Nhật Bản

Xin hãy chuyển khoản từ quầy dịch vụ cơ quan tài chính gần nhất (trừ bưu điện) trong thời gian nộp hồ sơ tới tài khoản chỉ định có ở mục (3) bên dưới. Và xin hãy dán biên nhận v.v. có thể xác nhận việc đã chuyển khoản vào mặt sau của “Giấy chứng nhận sức khỏe” trong bộ hồ sơ đăng ký du học.

Ngoài ra, **phí chuyển khoản do người nộp đơn xin nhập học thanh toán.**

(2) Nếu chuyển tiền từ ngoài Nhật Bản

① Phí tuyển sinh 20.000 JPY (Yên Nhật) thì xin hãy gửi tiền vào tài khoản chỉ định **nhất định phải bằng tên của người nộp đơn xin nhập học.**

Ngoài ra, **chi phí liên quan việc gửi tiền do người nộp đơn tự trả. ngân hàng Nhật Bản cũng thu phí thủ tục, trường chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm chi trả khoản phí thủ tục này.**

② Xin hãy dán bản sao giấy chứng nhận tiếp nhận chuyển khoản có đóng dấu đã thu phí của ngân hàng vào mặt sau của “Giấy chứng nhận sức khỏe” trong hồ sơ đăng ký nhập học.

③ Xin hãy bảo quản cẩn thận biên lai chuyển khoản. (không cần nộp).

(3) Tài khoản ngân hàng chuyển khoản phí tuyển sinh

Ngân hàng chuyển khoản : The Ogaki Kyoritsu Bank, Hozumi Branch
(Địa chỉ : 632-2 Beppu, Mizuho, Gifu. 501-0222 JAPAN)
Loại tiền gửi : Ordinary deposit
Số tài khoản : 86596
Tên tài khoản : Jun Miyata, the chairman of the board of trustees,
Asahi University educational foundation
Mã SWIFT : OGAKJPJT

(4) Phí tuyển sinh đã nộp thi trường sẽ không trả lại vì bất kỳ lý do gì.

5 Cách thức đăng ký nhập học / Nơi nộp hồ sơ

Đối với việc đăng ký nhập học, trước tiên, hãy chuẩn bị đầy đủ hồ sơ xin nhập học. Tiếp theo, xin hãy liên lạc bằng E-mail với Phòng thông tin tuyển sinh Đại học Asahi. (Sau khi gửi E-mail, chúng tôi sẽ trả lời trong vòng 1 tuần. Nếu bạn không nhận được trả lời, xin đảm bảo hãy xác nhận lại qua điện thoại.) Sau đó, xin hãy chuyển phí tuyển sinh vào tài khoản do trường chỉ định, rồi để toàn bộ hồ sơ xin học vào chung một phong bì thư gửi qua đường bưu điện (phải gửi tới nơi trước ngày hết hạn) hoặc nộp trực tiếp tại Phòng thông tin tuyển sinh trong khoảng thời gian nộp hồ sơ.

(1) Gửi qua đường bưu điện

- ① Nếu gửi qua đường bưu điện trong lãnh thổ Nhật Bản đề nghị dùng thư bảo đảm đơn giản.
- ② Khi gửi qua đường bưu điện từ ngoài lãnh thổ Nhật Bản, đề nghị sử dụng chuyển phát nhanh (EMS).
※ Nếu có vấn đề trong quá trình gửi qua đường bưu điện, trường không chịu trách nhiệm.
※ Đề nghị lưu lại một bản sao hồ sơ đã nộp.

(2) Nếu nộp trực tiếp tại trường

Nếu nộp trực tiếp cho Phòng tư vấn tuyển sinh, thời gian làm việc như sau:

Ngày thường : 9:00 ~ 16:00 Thứ 7: 9:00 ~ 12:00

Chủ nhật, ngày lễ không tiếp nhận đơn đề nghị.

(3) Nơi nộp hồ sơ

Phòng tư vấn tuyển sinh đại học Asahi Mã bưu chính: 1851 Hozumi thành phố Mizuho huyện Gifu 501-0296
TEL (058) 329-1088
E-mail nyuusi@alice.asahi-u.ac.jp

Xét tuyển

1 Phương pháp xét tuyển

Trường thực hiện việc xét tuyển dựa trên bộ hồ sơ đăng ký du học. Ngoài ra, đối với người nộp đơn trong Nhật Bản thì trường sẽ thực hiện kỳ thi phỏng vấn.

2 Thông báo trúng tuyển

Thông báo kết quả xét tuyển đậu hay không đậu sẽ được gửi bưu điện tới người đăng ký bằng văn bản (trường hợp cơ sở giáo dục v.v. tổng hợp lại rồi nộp hồ sơ thì gửi tới cơ sở đó). Ngoài ra, trường không thể trả lời bất cứ liên hệ nào qua điện thoại v.v.

Thủ tục nhập học

Người trúng tuyển xin hãy làm theo “Tờ hướng dẫn thủ tục nhập học” được gửi tới, nộp các giấy tờ cần thiết, đóng học phí/các khoản phải nộp muộn nhất là ngày hết hạn làm thủ tục nhập học sau đây để hoàn thành thủ tục nhập học.

1 Ngày hết hạn làm thủ tục nhập học

Được ghi trong “Tờ hướng dẫn thủ tục nhập học” được gửi qua đường bưu điện cho người trúng tuyển cho cả kỳ nhập học tháng 4 và tháng 9.

2 Học phí và các khoản phí

(1) Học phí/các khoản phí khác

① “Khóa 1 năm”

Phân loại học kỳ		Học kỳ nhập học (tháng 4/tháng 9)	Học kỳ sau	Tổng cộng
Thời gian nộp		Trong thời gian làm thủ tục nhập học	(Học sinh nhập học tháng 4): Tháng 9 (Học sinh nhập học tháng 9): Tháng 4	—
Mục				
Học phí	Phí nhập học	100.000 Yên Nhật	—	100.000 Yên Nhật
	Tiền học trên lớp	225.000 Yên Nhật	225.000 Yên Nhật	450.000 Yên Nhật
Các khoản phí khác	Phí duy trì chế độ bảo hộ sinh viên	3.500 Yên Nhật	—	3.500 Yên Nhật
Tổng cộng		328.500 Yên Nhật	225.000 Yên Nhật	553.500 Yên Nhật

*Tiền học trên lớp không bao gồm chi phí tài liệu sách giáo khoa (khoảng 10.000 JPY cho mỗi học kỳ).

② “Khóa 1 năm rưỡi”

Phân loại học kỳ		Học kỳ nhập học (tháng 4/tháng 9)	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Tổng cộng
Thời gian nộp		Trong thời gian làm thủ tục nhập học	(Học sinh nhập học tháng 4): Tháng 9 (Học sinh nhập học tháng 9): Tháng 4	(Học sinh nhập học tháng 4): Tháng 4 (Học sinh nhập học tháng 9): Tháng 9	—
Mục					
Tiền học trên lớp	Phí nhập học	100.000 Yên Nhật	—	—	100.000 Yên Nhật
	Tiền học trên lớp	225.000 Yên Nhật	225.000 Yên Nhật	225.000 Yên Nhật	675.000 Yên Nhật
Các khoản phí khác	Phí duy trì chế độ bảo hộ sinh viên	3.500 Yên Nhật	—	1.750 Yên Nhật	5.250 Yên Nhật
Tổng cộng		328.500 Yên Nhật	225.000 Yên Nhật	226.750 Yên Nhật	780.250 Yên Nhật

*Tiền học trên lớp không bao gồm chi phí tài liệu sách giáo khoa (khoảng 10.000 JPY cho mỗi học kỳ).

(2) Cách thức nộp học phí, các khoản phí khác

① Nộp tại Nhật Bản

Xin hãy điền các thông tin cần thiết trên giấy chuyển khoản theo quy định của trường rồi tới đơn vị tài chính gần nhất để chuyển khoản muộn nhất là ngày hết hạn làm thủ tục nhập học.

Ngoài ra, **phí chuyển khoản do người nộp đơn xin nhập học tự trả.**

② Nộp từ ngoài lãnh thổ Nhật Bản

Trong thời hạn làm thủ tục nhập học, người nộp đơn xin hãy nộp học phí, các khoản phí khác (tổng cộng là 328.500 Yên Nhật) vào tài khoản chỉ định.

Ngoài ra, **chi phí liên quan việc gửi tiền do người nộp đơn tự trả. Ngân hàng Nhật Bản cũng thu phí thủ tục, trường chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm chi trả khoản phí này.**

③ Tài khoản chuyển khoản đối với học phí, các khoản phí khác

Ngân hàng chuyển khoản : The Ogaki Kyoritsu Bank, Hozumi Branch

(Địa chỉ : 632-2 Beppu, Mizuho, Gifu. 501-0222 JAPAN)

Loại tiền gửi : Ordinary deposit

Số tài khoản : 86596

Tên tài khoản : Jun Miyata, the chairman of the board of trustees, Asahi University educational foundation

Mã SWIFT : OGAKJPJT

3 Các giấy tờ làm thủ tục nhập học

(1) Hai loại giấy tờ sau đây để xác nhận được phép lưu trú tại Nhật..... Mỗi loại một bản

① Hộ chiếu (passport)

② Bản sao hai mặt thẻ lưu trú

※Người nộp đơn xin nhập học từ bên ngoài Nhật Bản sau khi nhập cảnh xin hãy làm các thủ tục cần thiết tại các cơ quan liên quan, và nộp các giấy tờ cần thiết muộn nhất là ngày tổ chức lễ nhập học.

Người nộp đơn xin nhập học từ bên trong Nhật Bản xin hãy nộp các giấy tờ cần thiết muộn nhất là ngày hết hạn làm thủ tục nhập học.

Ngoài ra, người cần gia hạn thời gian lưu trú, thay đổi địa chỉ v.v. thì xin hãy nộp lại các giấy tờ tương ứng sau khi làm các thủ tục cần thiết tại các cơ quan liên quan.

(2) “Giấy cam kết/Giấy bảo lãnh nhân thân” mà trường đã gửi tới cùng với “Hướng dẫn thủ tục nhập học” cho người trúng tuyển

4 Những điều cần lưu ý khi làm thủ tục nhập học

(1) Hồ sơ không đầy đủ giấy tờ sẽ không được tiếp nhận.

(2) Về hồ sơ làm thủ tục nhập học, nếu sau này trường phát hiện có điều không đúng sự thật thì trường sẽ hủy bỏ việc nhập học.

(3) Trường hợp không hoàn thành thủ tục nhập học trước ngày hết hạn làm thủ tục nhập học sẽ được coi như từ chối nhập học.

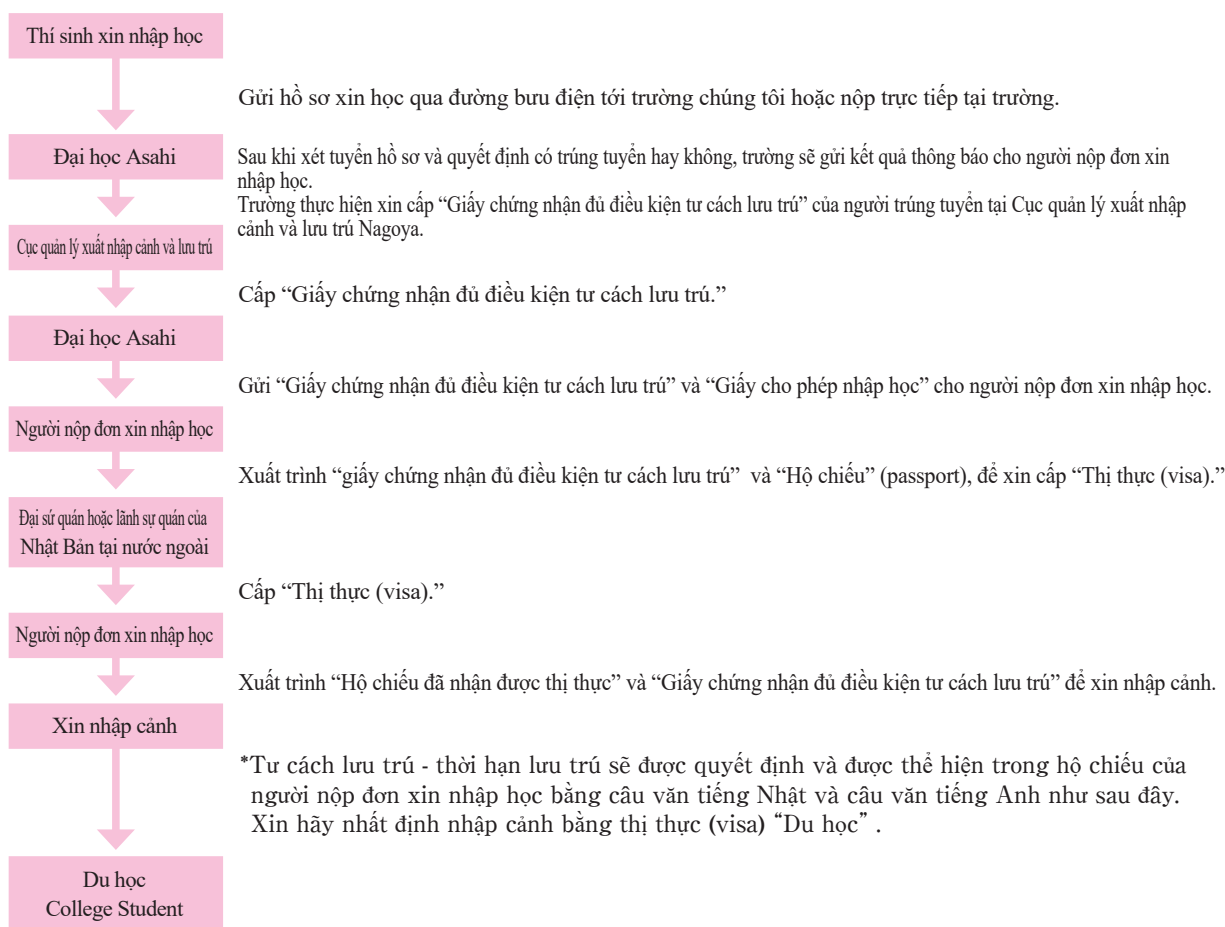
(4) Học phí và các khoản phí khác đã nộp, ngoài nguyên nhân như không được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện tư cách lưu trú, hoặc không thể xuất ngoại, thì sẽ không được trường hoàn trả.

(5) Về việc làm thủ tục nhập học, nếu có lý do không kịp làm thủ tục thì nhất định phải trình bày với trường trong thời gian làm thủ tục nhập học. Ngoài ra, việc trình bày lý do sau ngày hết hạn làm thủ tục nhập học sẽ không được tiếp nhận dù có bất kỳ lý do gì.

Làm thủ tục nhập cảnh theo “Giấy chứng nhận đủ điều kiện tư cách lưu trú”

Để nhập cảnh vào Nhật Bản nhằm mục đích học tập thì phải có “Giấy chứng nhận đủ điều kiện tư cách lưu trú” và “Thị thực (visa)”. Thủ tục nộp “Giấy chứng nhận đủ điều kiện tư cách lưu trú” cần thiết để xin “Thị thực (visa)”, do trường chúng tôi thay mặt người trúng tuyển làm thủ tục với Cục quản lý nhập cảnh Nagoya. Ngoài ra, người nộp hồ sơ chưa có hộ chiếu (passport) thì sau khi nhận được thông báo trúng tuyển, đề nghị tiến hành xin cấp và lấy hộ chiếu (passport) theo thủ tục của quốc gia mình. Ngoài ra, người hiện đã ở Nhật Bản và cần thay đổi tư cách lưu trú, gia hạn thời gian lưu trú, thay đổi địa chỉ v.v... xin hãy tự làm thủ tục cần thiết.

Trình tự từ khi đăng ký nhập học cho tới khi nhập cảnh như sau



【Thời hạn tới Nhật Bản】

Nhập học muộn sẽ không đủ tư cách tham gia kỳ thi định kỳ do số ngày lên lớp không đủ, do đó trường quy định thời hạn tới Nhật Bản như sau:

- Nhập học tháng 4 : ngày 15 tháng 4
- Nhập học tháng 9 : ngày 15 tháng 10

Hoạt động định kỳ trong năm của Khóa bồi dưỡng tiếng Nhật

Khoa riêng du học sinh Đại học Asahi (lich năm học)

Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9
Lễ nhập học khóa mùa xuân Bắt đầu lớp học học kỳ đầu	Tiệc chào đón học sinh mới	Thi giữa kỳ học kỳ đầu Đào tạo ngoại khóa Kỳ thi du học Nhật Bản (*2)	Kỳ thi năng lực tiếng Nhật (*1) Thi cuối kỳ học kỳ đầu	Nghỉ hè	Lễ bế giảng khóa mùa xuân Lễ nhập học khóa mùa thu Bắt đầu lớp học học kỳ hai
Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3
Lễ hội Asahi Tiệc chào đón học sinh mới	Kỳ thi du học Nhật Bản (*2)	Thi giữa kỳ học kỳ hai Kỳ thi năng lực tiếng Nhật (*1)		Thi cuối kỳ học kỳ hai	Lễ bế giảng khóa mùa xuân

*1, 2 thi tham khảo trang 11.

Hướng dẫn về cuộc sống

1 Chỗ ở

Sau khi nhập học, bạn hãy vào ký túc xá do trường đại học chỉ định.

Cơ sở vật chất trong ký túc xá (tất cả các phòng là phòng riêng)

Bàn, ghế, giường, tủ lạnh, điều hòa không khí, khối nhà tắm có kèm thiết bị vệ sinh, rèm cửa, bộ chăn đệm

*Máy giặt thì có thể dùng chung.

Các chi phí cần thiết khi vào ở

Tiền thuê nhà 30.000 × 3 tháng	90.000 Yên
Phí quản lý (chỉ 1 lần)	10.000 Yên
Bộ chăn đệm	5.000 Yên
Tổng cộng	105.000 Yên

Tiền thuê nhà thì bạn sẽ trả 30.000 Yên mỗi tháng kể từ tháng thứ tư tại quầy dịch vụ nằm ở tòa nhà số 3 Đại học Asahi.

Phí tiện ích (tiền ga và nước máy) thì bạn tự chi trả.

Sinh hoạt phí bao gồm cả tiền nhà, phí tiện ích, v.v. là khoảng 70.000 ~ 100.000 Yên mỗi tháng.

2 Học bổng

Trường cấp học bổng cho du học sinh có thành tích học tập của học kỳ nhập học vào Khoa riêng du học sinh đặc biệt xuất sắc đồng thời khỏe mạnh cả về thân thể lẫn tinh thần và có nhân cách tốt.

- Học sinh nhận học bổng Khoa riêng du học sinh Đại học Asahi
50.000 JPY mỗi tháng (trong thời gian 6 tháng)

Bảo hiểm - Y tế

1 Bảo hiểm sức khỏe quốc dân

Người nước ngoài lưu trú tại Nhật Bản 3 tháng trở lên bắt buộc phải tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc dân.

Khi tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc dân thì mỗi khi khám chữa bệnh hoặc nhận kê đơn thuốc tại các cơ sở y tế v.v., 70% chi phí y tế sẽ được hỗ trợ bằng bảo hiểm sức khỏe quốc dân và bạn chỉ cần chi trả 30% chi phí y tế như là tiền tự mình chi trả một phần.

2 Chế độ hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh (đây là chế độ riêng của Đại học Asahi)

Đại học Asahi có trung tâm y tế khoa y và khoa nha bên trong khuôn viên trường và nếu là khám chữa bệnh có bảo hiểm mà bảo hiểm sức khỏe quốc dân được áp dụng thì nếu sau này bạn làm đơn xin, toàn bộ số tiền mà bạn tự mình chi trả sẽ được hoàn lại. Cho dù là việc khám chữa bệnh ngoài phạm vi sử dụng bảo hiểm thì một nửa số tiền mà bạn tự mình chi trả sẽ được hoàn lại.

Các cơ sở y tế mở thêm của Đại học Asahi mà học sinh của Đại học Asahi bao gồm du học sinh được áp dụng chế độ hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh là 3 cơ sở dưới đây.

- Trung tâm y tế khoa y và khoa nha Đại học Asahi
- Bệnh viện Đại học Asahi
- Trạm y tế nha khoa Gifu PDI

Về kỳ thi năng lực tiếng nhật v.v.

Sau khi nhập học vào Khoa riêng du học sinh, bạn sẽ đi thi các kỳ thi dưới đây để kiểm tra thành quả học tập.

● Kỳ thi năng lực tiếng Nhật (*1)

Thi vào tháng 7 và tháng 12. Lệ phí thi sẽ tốn 7.500 JPY (tại thời điểm ngày 1 tháng 4 năm 2025).

● Kỳ thi du học Nhật Bản (*2)

Thi vào tháng 6 và tháng 11.

Lệ phí thi sẽ tốn 10.000 JPY cho 1 môn tiếng Nhật, 18.000 JPY cho 2 môn (tại thời điểm ngày 1 tháng 4 năm 2025).

書類チェック表

BẢNG KIỂM TRA HỒ SƠ

国籍・地域 _____ 志願者氏名 _____
 Quốc tịch - Khu vực _____ Họ tên người nộp đơn _____

同封した書類等の確認のため必要箇所に√印をつけてください。(日本語以外で作成されている書類には、必ず日本語訳をつけてください。)
 Xin hãy đánh dấu√ vào các chỗ cần thiết để xác nhận hồ sơ đã bỏ vào phong bì v.v.
 (Đối với các giấy tờ được viết bằng các ngôn ngữ khác ngoài tiếng Nhật, xin đảm bảo đính kèm theo bản dịch tiếng Nhật.)

A 入学志願者本人が用意する書類 Các giấy tờ do người nộp đơn chuẩn bị		同封 Bỏ vào phong bì	事務確認欄 (記入しないこと) Cột xác nhận nội dung (Đề nghị không điền)
記入例→ Ví dụ→		✓	
1	入学願書【本学所定用紙】 Đơn xin nhập học [mẫu do trường quy định]		
2	日本語学習歴【本学所定用紙】 Quá trình học tiếng Nhật [mẫu do trường quy định] 日本語能力試験N5(日本語学習時間150時間)相当以上の日本語能力を有することを証明できる書類 Giấy tờ có thể chứng minh có năng lực tiếng Nhật N5 kỳ thi năng lực tiếng Nhật hoặc tương đương trở lên (Thời gian học tiếng Nhật 150 giờ).		
3	最終出身学校(高等教育機関)の卒業証明書または卒業見込み証明書 Giấy chứng nhận tốt nghiệp của trường tốt nghiệp sau cùng (cơ quan giáo dục bậc cao) hoặc giấy chứng nhận chuẩn bị tốt nghiệp 最終出身学校(高等教育機関)の卒業証明書または卒業見込み証明書の日本語訳 ※公的機関または教育機関の証明(公印は押されている)による日本語訳をつけてください。 (民間の翻訳会社による翻訳には公証が必要です。) Bản dịch tiếng Nhật của giấy chứng nhận tốt nghiệp của trường tốt nghiệp sau cùng (cơ quan giáo dục bậc cao) hoặc giấy chứng nhận chuẩn bị tốt nghiệp ※Xin hãy thêm bản dịch tiếng Nhật do cơ quan công hoặc cơ quan giáo dục (được đóng dấu cơ quan công) chứng nhận (bản dịch của công ty dịch thuật tư nhân thì phải được công chứng).		
4	最終出身学校(高等教育機関)の成績証明書 Giấy chứng nhận thành tích học tập của trường tốt nghiệp sau cùng (cơ quan giáo dục bậc cao) 最終出身学校(高等教育機関)の成績証明書の日本語訳 ※公的機関または教育機関の証明(公印は押されている)による日本語訳をつけてください。 (民間の翻訳会社による翻訳には公証が必要です。) Bản dịch tiếng Nhật của giấy chứng nhận thành tích học tập của trường tốt nghiệp sau cùng (cơ quan giáo dục bậc cao) ※Xin hãy thêm bản dịch tiếng Nhật do cơ quan công hoặc cơ quan giáo dục (được đóng dấu cơ quan công) chứng nhận (bản dịch của công ty dịch thuật tư nhân thì phải được công chứng).		
5	写真【5枚】 Ảnh [5 ảnh]		
6	在留資格認定証明書交付申請に係る申告票【本学所定用紙】 およびパスポートの写しと身分証明書の写し Tờ khai liên quan đến việc xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện tư cách lưu trú [mẫu do trường quy định] và bản sao hộ chiếu, bản sao chứng minh thư		
7	健康証明書【本学所定用紙】 (裏面に入学検定料振込通知書または振込受付証明書の写しを貼付してください。) Giấy chứng nhận sức khỏe [mẫu do trường quy định] (Xin hãy dán bản sao giấy thông báo chuyển khoản hoặc giấy chứng nhận tiếp nhận chuyển khoản phí đăng ký ở mặt sau.)		
8	結核非発病証明書【指定健診医療機関】 対象国: フィリピン、ベトナム、インドネシア、ネパール、ミャンマー、中国 Giấy chứng nhận không mắc bệnh lao [Cơ quan y tế kiểm tra sức khỏe được chỉ định] Quốc gia áp dụng: Philippines, Việt Nam, Indonesia, Nepal, Myanmar, Trung Quốc		
9	誓約書・身元保証書【本学所定用紙】 Giấy cam kết, Giấy bảo lãnh [mẫu do trường quy định]		

B 経費支弁者に用意してもらう書類 B Các giấy tờ do người chu cấp kinh phí chuẩn bị		同 封 Bỏ vào phong bì	事務確認欄 (記入しないこと) Cột xác nhận nội dung (để nghỉ không điền)
記入例→ Ví dụ→		✓	
1	経費支弁書【本学所定用紙】 Giấy chu cấp kinh phí [mẫu do trường quy định]		
(I) 国外から学費・生活費を送金する場合 Nếu chuyển học phí, sinh hoạt phí từ ngoài lãnh thổ Nhật Bản			
	預金残高証明書の原本(中国の場合は存款証明(原本)及び存単(コピー)) Bản gốc giấy chứng nhận số dư tài khoản (trường hợp Trung Quốc thì nộp chứng nhận tài khoản tiền gửi (bản gốc) và biên nhận tiền gửi (bản sao)).		
	経費支弁者の在職証明書又は職業証明書 Giấy chứng nhận công tác hoặc giấy chứng nhận nghề nghiệp của người chu cấp kinh phí		
	経費支弁者の給与支払証明書および納税証明書 Giấy chứng nhận chi trả tiền lương và giấy chứng nhận nộp thuế của người chu cấp kinh phí		
	親子関係、親族関係証明の公証書(出生証明書、戸籍一覽) Bản sao công chứng chứng nhận quan hệ cha con/mẹ con, quan hệ họ hàng (Giấy khai sinh, sổ hộ khẩu)		
(II) 日本在住者が学費・生活費を支弁する場合 Nếu người chi trả là người cư trú trong lãnh thổ Nhật Bản chi trả học phí, sinh hoạt phí			
2	年間所得額証明書 Giấy chứng nhận tổng thu nhập năm 市町村県民税証明書もしくは税務署発行の納税証明書 Giấy chứng nhận nộp thuế của tỉnh/thành phố/thị trấn/huyện hoặc giấy chứng nhận nộp thuế do Cục thuế cấp		
(III) 志願者本人が学費・生活費を支弁する場合 Nếu người xin nhập học tự chi trả học phí, sinh hoạt phí			
	預金残高証明書 Giấy chứng nhận số dư tài khoản		
	給与支払証明書又は納税証明書 Giấy chứng nhận chi trả lương hoặc giấy chứng nhận nộp thuế		
	奨学金の給付に関する証明書 Giấy chứng nhận về việc nhận học bổng		

朝日大学留学生別科入学願書

ĐƠN XIN NHẬP HỌC KHOA RIÊNG DU HỌC SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC ASAHI

※入学願書は志願者本人が日本語または英語で記入してください。

Đơn xin nhập học thì người nộp hồ sơ hãy tự mình ghi vào một cách rõ ràng bằng tiếng Nhật hoặc tiếng Anh.

1. 志願者情報

Thông tin người nộp đơn

氏名 Họ tên	姓 (Họ)	名 (Tên)			写真 4cm×3cm Ảnh 4cm×3cm Xin hãy dán ảnh đầy đủ khuôn mặt của bạn được chụp trong vòng 3 tháng gần đây nhất. Xin hãy viết hoa đầy đủ họ tên của bạn vào mặt sau.
	カタカナ (Viết bằng Katakana)				
	漢字 (Viết bằng chữ Hán)				
	ローマ字 (Phiên âm)				
国籍・地域 Quốc tịch - Khu vực					
生年月日 Ngày tháng năm sinh	年 (Năm)	月 (Ngày)	日 (Ngày)	年齢 Độ tuổi	歳 tuổi
性別 Giới tính	<input type="checkbox"/> 男 Nam	<input type="checkbox"/> 女 Nữ	配偶者の有無 Tình trạng hôn nhân	<input type="checkbox"/> 未婚 Chưa kết hôn	<input type="checkbox"/> 既婚 Đã kết hôn
出生地 Nơi sinh					
住所 Địa chỉ	※書類を送付しますので正確に記入してください。(日本語または英語のみ) *Chúng tôi sẽ gửi tài liệu cho bạn nên bạn hãy ghi chính xác. (Chỉ tiếng Nhật hoặc tiếng Anh)				
電話 Điện thoại			携帯 Điện thoại di động		
ファックス Fax			E-mail		
旅券 Hộ chiếu	番号 (Số hiệu)	有効期限 (Thời hạn có hiệu lực)	年 (Năm)	月 (Tháng)	日 (Ngày)
入学希望コース Khóa học mong muốn nhập học	<input type="checkbox"/> 1年 Một năm	<input type="checkbox"/> 1年半 Một năm rưỡi			

2. 緊急連絡先

Địa chỉ liên lạc khẩn cấp

(注) 父親や母親またはこれに代わる方を記入してください。

(注意) Xin hãy ghi vào cha hay mẹ hoặc là người đại diện cho họ.

氏名 Họ tên			出願者との関係 Mối quan hệ với người nộp hồ sơ	
年齢 Độ tuổi		住所 Địa chỉ		
電話 Số điện thoại			ファックス FAX	
携帯 Điện thoại di động			E-mail	

3. 家庭状況

Thông tin gia đình

氏名 (Họ tên)	続柄 (Quan hệ)	生年月日 (Ngày tháng năm sinh)	職業 (Nghề nghiệp)	住所 (Địa chỉ)
	父 (Cha)	年 月 日 (N) (T) (N)		
	母 (Mẹ)	年 月 日 (N) (T) (N)		
		年 月 日 (N) (T) (N)		
		年 月 日 (N) (T) (N)		
		年 月 日 (N) (T) (N)		
		年 月 日 (N) (T) (N)		

※不備書類等の連絡先、通知文書を送付の際の連絡先となりますので、正確に記入してください。

※Đây sẽ là địa chỉ liên lạc về các giấy tờ chưa đầy đủ v.v., địa chỉ liên lạc khi gửi văn bản thông báo nên xin hãy ghi vào một cách chính xác.

4. 学歴

Quá trình học tập

(注) 必ず小学校から始めて、通学したすべての学校を記入してください。

(Chú ý) Xin nhất định hãy ghi vào tất cả mọi trường mà bạn đã đi học bắt đầu từ trường tiểu học.

	学校名 Tên trường	在籍状況 Tình trạng theo học	在学期間 Khoảng thời gian theo học		学位 Học vị
①小学校 Tiểu học	学校名 (Tên trường) 所在地 (Địa điểm)		() 年 Năm, () 月 Tháng, tới () 年 Năm, () 月 Tháng,	年 Năm	
②中学校 Trường trung học cơ sở	学校名 (Tên trường) 所在地 (Địa điểm)		() 年 Năm, () 月 Tháng, tới () 年 Năm, () 月 Tháng,	年 Năm	
③高等学校 Trường trung học phổ thông	学校名 (Tên trường) 所在地 (Địa điểm)	<input type="checkbox"/> 卒業 (Tốt nghiệp) <input type="checkbox"/> 卒業予定 (Dự định tốt nghiệp)	() 年 Năm, () 月 Tháng, tới () 年 Năm, () 月 Tháng,	年 Năm	
④大学 Đại học	学校名 (Tên trường) 所在地 (Địa điểm)	<input type="checkbox"/> 卒業 (Tốt nghiệp) <input type="checkbox"/> 在学中 (Đang theo học) <input type="checkbox"/> 中退 (Bỏ dở giữa chừng) <input type="checkbox"/> 休学中 (Đang nghỉ học) <input type="checkbox"/> 卒業予定 (Dự định tốt nghiệp)	() 年 Năm, () 月 Tháng, tới () 年 Năm, () 月 Tháng,	年 Năm	学士 Cử nhân <input type="checkbox"/> 有 Có <input type="checkbox"/> 無 Không
⑤大学院 Cao học	学校名 (Tên trường) 所在地 (Địa điểm)	<input type="checkbox"/> 卒業 (Tốt nghiệp) <input type="checkbox"/> 在学中 (Đang theo học) <input type="checkbox"/> 中退 (Bỏ dở giữa chừng) <input type="checkbox"/> 休学中 (Đang nghỉ học) <input type="checkbox"/> 卒業予定 (Dự định tốt nghiệp)	() 年 Năm, () 月 Tháng, tới () 年 Năm, () 月 Tháng,	年 Năm	<input type="checkbox"/> 修士 Thạc sỹ <input type="checkbox"/> 博士 Tiến sỹ
⑥その他 Trường khác	学校名 (Tên trường) 所在地 (Địa điểm)	<input type="checkbox"/> 卒業 (Tốt nghiệp) <input type="checkbox"/> 在学中 (Đang theo học) <input type="checkbox"/> 中退 (Bỏ dở giữa chừng) <input type="checkbox"/> 休学中 (Đang nghỉ học) <input type="checkbox"/> 卒業予定 (Dự định tốt nghiệp)	() 年 Năm, () 月 Tháng, tới () 年 Năm, () 月 Tháng,	年 Năm	
以上を通算した全学校教育修学年数 (Tổng số năm học tập đào tạo tại tất cả các trường nêu trên)		年 (Năm)			

5. 日本語学習歴

Quá trình học tập tiếng Nhật

(なければ、「無」を記入してください。)(Nếu không có thì xin hãy ghi vào “Không”)

学校名 Tên trường	学校住所 Địa chỉ trường	在学期間 Khoảng thời gian theo học	総学習時間 Tổng số giờ học
		()年 Năm, ()月 Tháng tới ()年 Năm, ()月 Tháng	
		()年 Năm, ()月 Tháng tới ()年 Năm, ()月 Tháng	
日本語能力試験 Kỳ thi năng lực tiếng Nhật	級合格 Cấp thi đậu	点 điểm	<input type="checkbox"/> 未受験 Chưa thi
実用日本語検定 (J.Test) Kỳ thi lấy bằng tiếng Nhật thực dụng (J.Test)	級合格 Cấp thi đậu	点 điểm	<input type="checkbox"/> 未受験 Chưa thi
日本語NAT-TEST NAT-TEST tiếng Nhật	級合格 Cấp thi đậu	点 điểm	<input type="checkbox"/> 未受験 Chưa thi
その他 Trường khác			

6. 職歴・その他 (学校卒業から今日までの経緯、兵役も記入してください。)

Quá trình công tác/Quá trình khác (Xin hãy ghi quá trình từ khi tốt nghiệp trường học cho đến hôm nay, ghi cả nghĩa vụ quân sự.)

職場名 Tên nơi làm việc	所在地 Địa điểm	職務内容 Nội dung công việc đảm nhiệm	期間 Khoảng thời gian
			年 月 Năm Tháng ~ 年 月 Năm Tháng
			年 月 Năm Tháng ~ 年 月 Năm Tháng
			年 月 Năm Tháng ~ 年 月 Năm Tháng
			年 月 Năm Tháng ~ 年 月 Năm Tháng

7. あなたはどのようにして朝日大学を知りましたか。

Bạn làm thế nào để biết tới Đại học Asahi?

8. あなたはどのようにして朝日大学留学生別科で日本語を勉強しようと思いましたか。留学目的を明確に記入してください。
Vì sao bạn muốn học tiếng Nhật tại Khoa riêng du học sinh Đại học Asahi? Xin hãy ghi rõ mục đích du học của bạn.

9. 留学生別科修了後の進路希望
Mong muốn con đường tương lai sau khi học xong Khoa riêng du học sinh

大学 Đại học	
大学院 Cao học	
その他の進路 Phương hướng khác	

上記の通り相違ありません。
Nội dung trình bày trên là đúng sự thật.

日付： 年 月 日
Ngày : (Năm) (Tháng) (Ngày)

氏名： _____
Họ tên : _____

署名： _____
Ký tên : _____

日本語学習歴

QUÁ TRÌNH HỌC TIẾNG NHẬT

日本語教育に携わる教員に作成を依頼し、願書に同封してください。
Xin hãy nhờ giáo viên có tham gia vào việc đào tạo tiếng Nhật viết và bỏ vào cùng phong bì với hồ sơ đăng ký.

志願者氏名をアルファベットで記入してください。
Xin hãy ghi họ tên người nộp đơn bằng chữ cái Latinh.

志願者氏名	姓	名
(Họ tên người nộp đơn)	(Họ)	(Tên)

以下は指導教員が記入してください。
この書類は、志願者の言語能力を示す重要な書類です。志願者の言語能力を正確かつ厳密に査定し、ご記入下さい。

Từ đây trở đi thì xin giáo viên hướng dẫn hãy ghi vào.
Giấy tờ này là giấy tờ quan trọng thể hiện năng lực ngôn ngữ của người nộp đơn. Xin hãy thẩm định thật chính xác và tỉ mỉ cụ thể năng lực ngôn ngữ của người nộp đơn và ghi vào đây.

〈志願者について Về người nộp đơn〉

1. 出願時における日本語の総授業時間数及び日本語教育を受けた期間

Tổng số giờ học tiếng Nhật và khoảng thời gian học tiếng Nhật tại thời điểm nộp hồ sơ

時間	(年	月	~	年	月)
Giờ		Năm	Tháng		Năm	Tháng	

2. 日本語能力について (該当する評価を○で囲んでください。)

Về năng lực Nhật (xin hãy khoanh tròn vào đánh giá phù hợp).

(1) 極めて優れている	(2) 優れている	(3) 良い	(4) 平均的	(5) 劣る
Rất ưu tú	Ưu tú	Tốt	Bình thường	Kém

〈日本語指導について Về việc hướng dẫn tiếng Nhật〉

1. 日本語教授法・学習法

Phương pháp truyền thụ kiến thức/phương pháp học tập tiếng Nhật

2. 使用した教科書

Sách giáo khoa sử dụng

〈日本語能力認定者について Về người chứng nhận năng lực tiếng Nhật〉

指導教員氏名

Họ tên giáo viên hướng dẫn

職業 (身分)

Nghề nghiệp (vị trí công tác)

志願者が日本語教育を受けた学校名

Tên trường học mà người nộp đơn học tiếng Nhật

所在地

Địa chỉ

電話番号

Số điện thoại

日付

Ngày

FAX

FAX

署名

Ký tên

経費支弁書

GIẤY CHU CẤP KINH PHÍ

朝日大学 学長 殿

Kính thưa hiệu trưởng trường đại học Asahi

志願者氏名

Họ tên người nộp đơn

性別

男

女

Giới tính

Nam

/

Nữ

生年月日

Ngày tháng năm sinh

年

Năm

月

Tháng

日

Ngày

国籍・地域

Quốc tịch - Khu vực

私は、この度、上記の者の朝日大学在籍中の経費支弁者になりましたので、
下記のとおり経費支弁の引受け経緯を説明するとともに、経費支弁について誓約します。

Tôi hiện đã quyết định sẽ là người chu cấp kinh phí trong thời gian người nói trên theo học tại Đại học Asahi nên xin giải thích quá trình dẫn tới việc nhận chu cấp kinh phí, đồng thời cam kết về việc chu cấp kinh phí.

記

Ghi chú

1. 経費支弁の引受け経緯

(申請者の経費の支弁を引き受けた経緯及び申請者との関係について具体的に記載してください。)

Quá trình dẫn tới việc chấp nhận chu cấp kinh phí

(Xin hãy ghi một cách cụ thể về quá trình dẫn tới việc chấp nhận chu cấp kinh phí cho người đăng ký du học và mối quan hệ với người đăng ký du học.)

2. 経費支弁内容

Nội dung chu cấp kinh phí

私 _____ は、上記の者の朝日大学在籍中について、下記のとおり経費支弁することを誓約します。また、上記の者が在留期間更新許可申請を行う際には、送金証明書又は本人名義の預金通帳（送金事実、経費支弁事実が記載されたもの）の写し等で、生活費等の支弁事実を明らかにする書類を提出します。

Tôi, _____, cam kết sẽ chu cấp kinh phí như dưới đây trong thời gian người nói trên theo học tại Đại học Asahi. Ngoài ra, khi người nói trên thực hiện việc xin cấp gia hạn thời gian lưu trú, tôi sẽ nộp các giấy tờ chứng tỏ việc chu cấp sinh hoạt phí v.v. là thật bằng bản sao giấy chứng nhận gửi tiền hoặc là sổ ngân hàng mà bản thân đứng tên (sổ có ghi nội dung gửi tiền, nội dung chu cấp kinh phí).

(1) 学費 (半年ごと・年間)	円	(2) 生活費 (月額)	円
Học phí (Mỗi nửa năm / Một năm)	yen	Sinh hoạt phí (Số tiền mỗi tháng)	yen

(3) 支払方法 (送金・振込等支弁方法を具体的にお書きください)

Phương pháp chu cấp (xin hãy ghi một cách cụ thể phương pháp chu cấp ví dụ như gửi tiền, chuyển khoản v.v.)

3. 経費支弁者について

Về người chu cấp kinh phí

経費支弁者氏名

Họ tên người chu cấp kinh phí

年収

Thu nhập năm

住所

Địa chỉ

電話番号

Số điện thoại

職業 (勤務先の名称)

Nghề nghiệp (tên gọi nơi công tác)

勤務先電話番号

Số điện thoại nơi công tác

志願者との関係

Mối quan hệ với người nộp đơn

日付

Ngày

年

Năm

月

Tháng

日

Ngày

氏名 (署名)

Họ tên (ký tên)

在留資格認定証明書交付申請に係る申告票

TỜ KHAI LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC XIN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TƯ CÁCH LƯU TRÚ

この書類を元に、名古屋出入国在留管理局に在留資格認定証明書の交付申請を行います。虚偽のないよう、記入してください。

Trường sẽ thực hiện việc xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tư cách lưu trú tại Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Nagoya dựa trên giấy tờ này. Xin hãy ghi đúng sự thật.

Intended place to apply for Visa(Name of the city where you apply for a visa in your home country)

1. 氏名	姓	名						
Họ tên	Họ	Tên						
2. 査証申請予定地 (母国でビザ申請する都市名) Nơi dự định xin thị thực (Tên thành phố xin thị thực ở nước của bạn)								
3. 日本への過去の入国歴	有・無 (回)	直近の出入国歴	年	月	日	年	月	日
Đã từng nhập cảnh vào Nhật Bản	Có・Không (Lần)	Lần xuất nhập cảnh gần nhất	Năm	Tháng	Ngày	Năm	Tháng	Ngày

4. 「在留資格認定証明書」の申請歴 Đã từng xin cấp “Giấy chứng nhận đủ điều kiện tư cách lưu trú”

在留資格認定証明書の申請歴 Đã từng xin cấp “Giấy chứng nhận đủ điều kiện tư cách lưu trú”	在留資格申請時期 Thời điểm xin tư cách lưu trú	申請した入国管理局 Cục quản lý nhập cảnh mà bạn đã xin	在留資格 Tư cách lưu trú	交付／不交付 Được cấp / Không được cấp	入国年月日／出国年月日 Ngày tháng năm nhập cảnh / Ngày tháng năm xuất cảnh
<input type="checkbox"/> 無 Không	年 月 Năm Tháng		<input type="checkbox"/> 就学 Đi học <input type="checkbox"/> 留学 Du học <input type="checkbox"/> 家族滞在 Lưu trú gia đình <input type="checkbox"/> 短期滞在 Lưu trú ngắn hạn <input type="checkbox"/> その他 () Khác	<input type="checkbox"/> 交付 () Được cấp () *1 <input type="checkbox"/> 不交付 () Không được cấp () <input type="checkbox"/> 取下げ () Rút hồ sơ () <input type="checkbox"/> 不使用 Không sử dụng	入国 Nhập cảnh 年 月 日 Năm/Tháng/Ngày
<input type="checkbox"/> 有 Có					出国 Xuất cảnh 年 月 日 Năm/Tháng/Ngày
※1 「在留資格認定証明書」不交付であった場合は、下記に理由を記入してください。 Trường hợp không được cấp “Giấy chứng nhận đủ điều kiện tư cách lưu trú”, xin hãy ghi lý do ở bên dưới. 理由： Lý do: _____					

5. 強制退去又は出国命令による出国の有無
Đã từng xuất cảnh do bị cưỡng chế về nước hoặc có lệnh xuất cảnh hay không? 無 Không 有 Có

上記で「有」を選択した場合 回数 _____ 回 直近の送還歴 年 月 日
Trường hợp chọn là “Có” ở trên đây Số lần Lần Lần bị cưỡng chế về nước gần đây nhất Năm Tháng Ngày

6. 犯罪を理由とする処分を受けたことの有無 (日本国外を含む)
Đã từng bị xử phạt do phạm tội chưa (Gồm cả ở ngoài lãnh thổ Nhật Bản)

無 Không 有 Có (内容: _____)
Nội dung: _____

7. 経歴(直近5年の職歴及び学歴(高等学校卒業以降のものに限る)を記入) Quá trình công tác (ghi quá trình làm việc và quá trình học tập trong 5 năm gần nhất (giới hạn ở các quá trình kể từ tốt nghiệp trung học phổ thông trở đi))

始期 Thời gian bắt đầu		終期 Thời gian kết thúc		経歴 Quá trình		始期 Thời gian bắt đầu		終期 Thời gian kết thúc		経歴 Quá trình	
年 Năm	月 Tháng	年 Năm	月 Tháng			年 Năm	月 Tháng	年 Năm	月 Tháng		

8. 日本国内に親族(父・母・兄弟姉妹・配偶者)などがいる場合は記入してください(勤務先・通学先は必ず日本語で書いてください)。 Nếu có họ hàng trong lãnh thổ Nhật Bản (Cha, mẹ, anh chị em, vợ hoặc chồng) v.v... thì xin hãy điền vào. (Nơi công tác/nơi đi học thì xin nhất định hãy ghi bằng tiếng Nhật).

続柄 Quan hệ	氏名 Họ tên	生年月日 Ngày tháng năm sinh	国籍・地域 Quốc tịch - Khu vực	勤務先名称・通学先名称 Tên gọi nơi công tác/ Tên gọi nơi đi học	在留カード番号 Số thẻ lưu trú 特別永住者証明書番号 Số hiệu Chứng nhận vĩnh trú đặc biệt	同居予定 Dự định sống chung
		年 月 日 Năm/Tháng/Ngày				
		年 月 日 Năm/Tháng/Ngày				

9. パスポート又は身分証明書のコピーを添付してください。
Xin hãy đính kèm bản sao của hộ chiếu hoặc chứng minh thư.
10. 申請内容の確認のため、直接連絡をすることがあります。志願者本人のメールアドレスを記入してください。
Có thể chúng tôi sẽ liên lạc trực tiếp với bạn để xác nhận nội dung đơn đăng ký. Xin hãy ghi vào địa chỉ thư điện tử của bản thân người nộp đơn.
E-mail: _____

健康証明書
GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE

志願者氏名

Họ tên người nộp đơn

性別

Giới tính

生年月日

Ngày tháng năm sinh

検診年月日

Ngày tháng năm kiểm tra

1 計測

Đo

身長

Chiều cao

cm

体重

Cân nặng

kg

2 視力

Thị lực

裸眼

Không kính

矯正

Có kính

色覚異常の有無

Có bất thường về
cảm giác màu không

3 聴力

Thính lực

右

Bên phải

左

Bên trái

右

Bên phải

左

Bên trái

4 血圧

Huyết áp

m/Hg

~

m/Hg

5 脈拍

Nhịp tim / phút

/min

6 胸部X線検査

Kiểm tra X quang lồng ngực

施行日

Ngày kiểm tra

所見

Kết quả kiểm tra

7 検尿

Kiểm tra nước tiểu

施行日

Ngày kiểm tra

蛋白質

Đạm

血尿

Tiểu máu

ブドウ糖

Đường

鏡検所見

Kết quả kiểm tra

8 総括的健康状態 (○を付けること)

Tình trạng sức khỏe tổng thể (Đánh dấu ○)

優

Rất tốt

良

Tốt

可

Khá

不良

Không tốt

9 今後引き続き又はさらに精密な検査あるいは治療を必要とする場合は必要事項を記入すること。

Đối với người sau này phải kiểm tra kỹ hơn hoặc điều trị thêm, đề nghị điền nội dung cần thiết.

10 家族病歴に特記すべき事項があれば記入すること。

Tiền sử bệnh trong gia đình nếu có nội dung ghi chú đặc biệt, đề nghị điền

11 備考

Ghi chú

医療機関名

Tên cơ sở y tế

医師名

Họ tên bác sỹ

医療機関所在地

Địa chỉ cơ sở y tế

診断日

Ngày tháng chẩn đoán

誓約書・身元保証書

Giấy cam kết, Giấy bảo lãnh

受験番号
Số hiệu dự thi

朝日大学長 殿
Kính gửi Hiệu trưởng Đại học Asahi

記人日 年 月 日
Ngày ghi: Ngày tháng năm

<本人>

- 私は、貴大学留学生別科日本語研修課程に入学を許可された上は、学則及び別科規程等諸規則並びに教育方針・指導方針等を固く守り、学生としての本分に反しないことを誓います。また、日本国の法律と規則を遵守し、在留資格外の活動を行いません。これに違背した場合は、いかなる処分を受けても異議のないことを誓約いたします。
- 私は、貴大学留学生別科日本語研修課程が私の個人情報(学籍、履修、成績等)を取り扱うに当たっては、修学指導上の目的において身元保証人に対し開示することに同意いたします。

<Người đăng ký>

- Sau khi được nhận vào khóa đào tạo tiếng Nhật của khoa riêng du học sinh của quý đại học, tôi cam kết sẽ tuân thủ nghiêm túc các nội quy ví dụ như nội quy trường học, quy định của khoa riêng du học sinh, v.v. cũng như phương châm giáo dục, phương châm chỉ đạo, v.v. và không đi ngược lại bốn phận của một học sinh. Ngoài ra, tôi sẽ tuân thủ luật pháp và luật lệ của Nhật Bản, và sẽ không thực hiện các hoạt động ngoài tư cách lưu trú. Nếu làm trái điều này, tôi cam kết sẽ không phản đối dù phải nhận bất kỳ hình thức kỷ luật nào.
- Khi khóa đào tạo tiếng Nhật của khoa riêng du học sinh của quý đại học xử lý thông tin cá nhân của tôi (đăng ký sinh viên, đăng ký môn học, thành tích học tập, v.v.), tôi đồng ý với việc tiết lộ chúng cho người bảo lãnh với mục đích về mặt chỉ đạo học tập.

本人署名

Chữ ký người đăng ký

本人現住所

Địa chỉ hiện tại của người đăng ký

<身元保証人>

私は、上記の者が貴大学留学生別科日本語研修課程に在学中、上記の誓約を守らせ、これに反する在学中の行為について、身元保証人である私が責任を負うとともに、学費・諸納付金及び本人が貴大学に対して負担する故意又は過失による賠償金については、本人と連帯して支払い、貴大学にご迷惑をおかけしないことを保証いたします。

<Người bảo lãnh>

Tôi xin bảo đảm sẽ bắt người nói trên tuân thủ sự cam kết trên đây trong thời gian theo học tại khóa đào tạo tiếng Nhật của khoa riêng du học sinh của quý đại học và đối với hành vi đi ngược lại cam kết này trong thời gian theo học, tôi - người bảo lãnh, sẽ chịu trách nhiệm, đồng thời đối với học phí, các khoản phải nộp và tiền bồi thường do cố ý hoặc sơ suất mà người đăng ký phải trả cho quý đại học thì tôi sẽ liên đới chịu trách nhiệm với người đăng ký để chi trả và không gây phiền hà cho quý đại học.

身元保証人署名

Chữ ký của người bảo lãnh

本人との関係

Mối quan hệ với người đăng ký

国籍

Quốc tịch

身元保証人現住所

Địa chỉ hiện tại của người bảo lãnh

電話

Điện thoại

勤務先名称

Tên gọi nơi công tác

生年月日(西暦)

Ngày tháng năm sinh (tây lịch)

職業

Nghề nghiệp

勤務先 電話

Điện thoại nơi công tác

【注意事項】

- 身元保証人は、父、母、独立の生計を営む成年者とします。
- 住所欄は記入時の住所を記入してください。
- 学費・諸納付金及び賠償金の極度額は、以下のとおり、留学生別科規程で定められた学費(入学金を除く。)を限度とします。
1年コース極度額(学費):45万円 1年半コース極度額(学費):67万5千円
- 別科規程等諸規則は大学公式ホームページから確認することができます。

[Các mục chú ý]

- Người bảo lãnh phải là cha, mẹ hoặc người trưởng thành tạo được nguồn tài chính sinh hoạt độc lập.
- Xin hãy điền địa chỉ tại thời điểm ghi vào ô địa chỉ.
- Số tiền hạn mức cao nhất của học phí, các khoản phải nộp và tiền bồi thường thì lấy hạn mức là học phí (trừ tiền nhập học.) được quy định trong Quy định của khoa riêng du học sinh như sau.
Số tiền hạn mức cao nhất của khóa học 1 năm (học phí): 450.000 Yên
Số tiền hạn mức cao nhất của khóa học 1,5 năm (học phí): 675.000 Yên
- Các nội quy như Quy định của khoa riêng du học sinh thì bạn có thể xác nhận tại trang web chính thức của trường đại học.



朝日大学 入試広報課

〒501-0296 岐阜県瑞穂市穂積1851

TEL 058-329-1088 (直通)

FAX 058-329-1089

✉ nyuusi@alice.asahi-u.ac.jp